

NỘI DUNG MÔN HỌC NGŨ VĂN KHỐI 12

NĂM HỌC 2021-2022

TUẦN 3

Tiết 9. Tiếng Việt.

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT (tiếp)

II. Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:

1. Về thái độ, tình cảm:

- Cần có ý thức tôn trọng và yêu quý tiếng Việt, xem đó là *“thứ của cải vô cùng lâu đời và quý báu của dân tộc”*

2. Về nhận thức:

- Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có những hiểu biết về tiếng Việt (Cần có những hiểu biết cần thiết về các chuẩn mực của tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp)

- Hiểu biết đó không chỉ qua học tập ở trường, mà còn bằng tự học hỏi.

3. Về hành động:

- Sử dụng tiếng Việt theo chuẩn mực và quy tắc, trong đó có các quy tắc chuyển hoá, biến đổi.

- Không lạm dụng tiếng nước ngoài làm vẩn đục tiếng Việt.

- Tránh những lỗi nói thô tục, thiếu văn hoá.

Tiết 10. Đọc văn.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG

TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC

Phạm Văn Đồng

I. Giới thiệu chung:

1. Tác giả: (SGK)

- Phạm Văn Đồng (1906 – 2000).
- Quê: xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
- Là một nhà Cách mạng lớn của nước ta trong thế kỉ XX.
- Quá trình hoạt động cách mạng:

- + Tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng từ khi chưa đầy 20 tuổi.
- + 1929 – 1936: bị thực dân Pháp bắt, kết án tù và đày ra Côn Đảo
- + Đầu những năm 1940: được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng biên giới Việt – Trung, được bầu vào Ủy ban Dân tộc giải phóng.
- + Từng đảm nhiệm các cương vị:
 - o Bộ trưởng Bộ Tài chính
 - o Bộ trưởng Bộ ngoại giao
 - o Phó thủ tướng
 - o Thủ tướng (1955-1981)
 - o Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (1981-1987)
- Được đánh giá là một trong những học trò xuất sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Ông còn là một nhà giáo dục tâm huyết, nhà lí luận văn hoá văn nghệ lớn.
- Có những tác phẩm đáng chú ý về văn học nghệ thuật, bởi:
 - + Quan niệm: viết cũng là một cách phục vụ cách mạng
 - + Quan tâm, am hiểu và yêu thích văn học nghệ thuật.
 - + Vốn sống lịch lãm, tầm nhìn sâu sắc, nhân cách lớn → đủ để đưa ra những nhận định đúng đắn, mới mẻ, sắc sảo về những vấn đề văn học nghệ thuật
- Tác phẩm tiêu biểu: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ.*

2. Văn bản:

a. Hoàn cảnh ra đời:

- Viết nhân kỉ niệm 75 năm ngày mất của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu (3 – 7 – 1888), đăng trên tạp chí Văn học tháng 7 – 1963.
- Hoàn cảnh năm 1963: Tình hình miền Nam có nhiều biến động lớn
- + Mỹ tài trợ và can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh
- + Phong trào đấu tranh chống Mỹ và tay sai nổi lên khắp nơi, tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi.

b. Bố cục:

*** Ba phần:**

- Phần mở bài: Từ đầu đến “... cách đây hơn một trăm năm”

→ Nêu luận đề: Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ lớn của dân tộc.

(“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy”)

- Phần thân bài: Từ “Nguyễn Đình Chiểu” đến “... văn hay của Lục Vân Tiên”

→ Nêu ba luận điểm tương ứng với ba câu chủ đề:

+ Luận điểm 1: Từ “Nguyễn Đình Chiểu” đến “... khôn lường thực hư”

→ Con người và quan niệm văn chương của Nguyễn Đình Chiểu.

(“Cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu là của một chiến sĩ phấn đấu hi sinh vì một nghĩa lớn”)

+ Luận điểm 2: Tiếp theo đến “hai vai nặng nề”

→ Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu.

(“Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu làm sống lại trong tâm trí chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ từ 1860 về sau, suốt hai mươi năm trời”)

+ Luận điểm 3: Tiếp theo đến “văn hay của Lục Vân Tiên”

→ Đánh giá về truyện thơ Lục Vân Tiên.

(“Lục Vân Tiên, một tác phẩm lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu, rất phổ biến trong dân gian, nhất là ở miền Nam”)

- Phần kết bài: Còn lại

→ Đánh giá khái quát về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu

(“Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao đại vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sự mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng”)

II. Đọc – hiểu văn bản:

1. Phần mở bài: Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ lớn của dân tộc

- Tác giả mở đầu bằng một nhận định khách quan có tính thời sự:

“Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là vào lúc này”

→ “Lúc này”: năm 1963, phong trào đấu tranh chống Mỹ – nguy của nhân dân miền Nam đang phát triển sôi sục, rộng khắp

→ Nhân mạnh thời điểm ca ngợi nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu để khẳng định truyền thống chống ngoại xâm, động viên nhân dân cả nước vùng lên.

- Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu:

“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy”.

→ Cách đặt vấn đề: đúng đắn, toàn diện và mới mẻ, như một định hướng để tìm hiểu về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

- Tác giả nêu hai lí do khiến cho “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc:

+ Thứ nhất: Nhiều người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của truyện thơ *Lục Vân Tiên* và hiểu tác phẩm này khá thiên lệch về nội dung và nghệ thuật.

+ Thứ hai: Người đọc biết rất ít về thơ văn yêu nước - một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

2. Phân thân bài:

a. Luận điểm 1: Con người và quan niệm sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu

- Con người:

+ Sinh ra trên đất Đồng Nai hào phóng

+ Triều đình nhà Nguyễn cam tâm bán nước, nhân dân khắp nơi đứng lên đánh giặc cứu nước

+ Bị mù, Nguyễn Đình Chiểu dùng thơ văn phục vụ chiến đấu

+ Thơ văn ông ghi lại tâm hồn trong sáng và cao quý của ông và thời kì khổ nhục nhưng vĩ đại của dân tộc.

→ Tác giả không viết lại tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu mà nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật: khí tiết của một người chí sĩ yêu nước, trọn đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn.

- Quan điểm sáng tác:

+ Thơ Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn mang tính chiến đấu, đánh thẳng vào giặc xâm lược và tội tó của chúng.

+ Với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút còn là một thiên chức nên ông khinh miệt những kẻ lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa.

→ Quan niệm sáng tác thống nhất với con người Nguyễn Đình Chiểu: văn thơ phải là vũ khí chiến đấu sắc bén.

⇒ Tác giả đã đưa ra luận điểm có tính khái quát cao, luận cứ bao gồm các lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, giúp người đọc hiểu rõ và sâu sắc vấn đề.

b. Luận điểm 2: Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu

- Nêu bối cảnh thời đại Nguyễn Đình Chiểu cầm bút: “khổ nhục nhưng vĩ đại”

+ Nguyễn Tri Phương thua ở Sài Gòn, Triệu Đức vội vã đầu hàng

+ Năm 1862, cắt ba tỉnh miền Đông và năm 1867 cắt ba tỉnh miền Tây cho giặc

+ Cuộc chiến tranh của nhân dân lan rộng khắp nơi làm cho kẻ thù khiếp sợ và khâm phục

→ Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là “ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”, vì thơ văn ông đã “làm sống lại phong trào kháng Pháp bền bỉ và oanh liệt của nhân dân Nam Bộ từ 1860 trở về sau” → Vì nhà văn lớn, tác phẩm lớn khi phản ánh trung thành những đặc điểm bản chất của một giai đoạn lịch sử trọng đại.

- Nêu nội dung chính thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:

+ Là tấm gương phản chiếu thời đại nên sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là lời ngợi ca những nghĩa sĩ nông dân dũng cảm và cũng là lời khóc thương cho những anh hùng thất thế, bỏ mình vì dân vì nước

→ Phần lớn là những bài văn tế

+ Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu mang tính chiến đấu vì đã xây dựng những hình tượng “sinh động và náo nùng” về những con người “suốt đời tận trung với nước, trọng nghĩa với dân, giữ trọn khí phách hiên ngang cho dù chiến bại” và “ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu”:

o Phân tích một tác phẩm tiêu biểu: “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”

→ Ta thấy được tính chiến đấu và sự sáng tạo trong việc xây dựng hình tượng người anh hùng hoàn toàn mới trong văn học – nghĩa sĩ nông dân

o So sánh với “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi: Bài cáo là khúc ca khải hoàn, bài văn tế là khúc ca của những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang

→ Khẳng định giá trị to lớn của bài văn tế.

o Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, hòn ngọc rất đẹp như “Xúc cảnh”

→ Tác giả không phân tích mà chỉ gọi ra để người đọc cảm nhận được sự phong phú trong thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu

o Đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa...

→ Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu góp phần tạo nên diện mạo của văn học thời kì này và Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đầu, là ngôi sao sáng nhất của thơ văn yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX.

=> Nhận xét:

+ Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu bằng một trí tuệ sáng suốt, hiểu biết sâu sắc qua hệ thống lập luận rõ ràng và chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể và thuyết phục

→ Giọng văn nghị luận không khô khan mà thấm đẫm cảm xúc

+ Tác giả không nhìn nhận Nguyễn Đình Chiểu với con mắt hoài cổ - tiếc thương những giá trị cũ, mà luôn nhìn từ trung tâm cuộc sống hôm nay – những năm 60 của thế kỉ XX

→ Con người hôm nay có điều kiện để đồng cảm với một con người đã sống hết mình vì dân tộc, thấu hiểu hơn những giá trị thơ văn của con người đó.

c. Luận điểm 3: Truyện thơ Lục Vân Tiên

- Nêu nguyên nhân làm cho tác phẩm được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian:

“trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những con người trung nghĩa”

- Bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm:

+ Thừa nhận sự thật: “Những giá trị luân lí mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi, ở thời đại chúng ta, theo quan điểm của chúng ta thì có phần đã lỗi thời”, trong tác phẩm có những chỗ “lời văn không hay lắm” → trung thực, công bằng khi phân tích.

+ Khẳng định bằng những lí lẽ và dẫn chứng xác thực: đó là những hạn chế không thể tránh khỏi và không phải là chính yếu:

o Hình tượng con người trong “Lục Vân Tiên” gần gũi với mọi thời, vấn đề đạo đức trong Lục Vân Tiên mang tính phổ quát xưa nay → “gần gũi với chúng ta”, “làm cho chúng ta cảm xúc và thích thú”

o Lối kể chuyện “nôm na” dễ nhớ, dễ truyền bá trong dân gian → người miền Nam say sưa nghe kể “Lục Vân Tiên”

→ Thủ pháp “đòn bẩy”: nêu hạn chế để khẳng định giá trị trường tồn của tác phẩm “Lục Vân Tiên”

=> Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “Truyện Lục Vân Tiên” trong mối quan hệ mật thiết với đời sống nhân dân (quen thuộc với nhân dân, được nhân dân chấp nhận và yêu mến) → Đó là cơ sở đúng đắn và quan trọng nhất để đánh giá tác phẩm này.

3. Phần kết bài:

- Khẳng định vẻ đẹp nhân cách và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc:

“Nguyễn Đình Chiểu là một chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta”.

- Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị to lớn của cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là bài học cho mỗi con người:

“Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao địa vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sứ mạng của người chí sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng”

→ Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước, lá cờ đầu của thơ văn yêu nước, là người nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng.

III. Tổng kết:

Ghi nhớ (SGK)

Tiết 11. Đọc văn. Đọc thêm:

- MÁY Ý NGHĨ VỀ THƠ (trích) (Nguyễn Đình Thi)

- ĐÔ-XTÔI-ÉP-XKI (trích) (X.Xvai-gơ)

I. MÃY Ý NGHĨ VỀ THƠ (trích):

1. Đặc trưng cơ bản nhất của thơ: thể hiện tâm hồn con người.

- **Đặt ra một câu hỏi:** không mang nghĩa nghi vấn mà khẳng định:

“Đầu mỗi của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng?”.

- **Khởi đầu một bài thơ:** phải có *“rung động thơ”*, sau đó mới *“làm thơ”*.

- **Rung động thơ:**

+ có được khi tâm hồn ra khỏi trạng thái bình thường;

+ do có sự va chạm với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác mà tâm hồn thức tỉnh, bật lên những tình ý mới mẻ.

- **Còn làm thơ:**

+ là thể hiện những rung động của tâm hồn con người bằng lời nói (tức là chữ).

+ Những lời, những chữ ấy phải có sức mạnh truyền cảm tới người đọc, khiến *“mọi sợi dây của tâm hồn rung lên”*.

2. Những đặc trưng khác của thơ gồm: hình ảnh, tư tưởng, cảm xúc, cái thực,...

- Hướng tới việc biểu hiện tâm hồn con người, **hình ảnh của thơ:** không chỉ ghi lại cái vẻ bề ngoài mà *“đã bao hàm một nhận thức, một thái độ tình cảm hoặc suy nghĩ”*.

- Thơ gắn liền với sự suy nghĩ, thơ phải có tư tưởng, nhưng **tư tưởng trong thơ** cũng là tư tưởng - cảm xúc, *“thơ muốn lay động những chiều sâu của tâm hồn, đem cảm xúc mà đi thẳng vào sự suy nghĩ”*.

- **Cảm xúc, tình cảm** là những yếu tố quan trọng bậc nhất mà nhà thơ hướng tới.

“Cảm xúc là phần thịt xương hơn cả của đời sống tâm hồn”.

- Ngay **cái thực trong thơ** cũng là sự thành thực của cảm xúc, là biểu hiện một cách chân thật và sinh động những gì đang diễn ra trong tâm hồn, đó là *“hình ảnh thực nảy lên trong tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hoặc trạng thái nào đấy”*.

→ Tóm lại, hình ảnh, tư tưởng, cảm xúc, cái thực của thơ đều nằm trong hệ quy chiếu của tâm hồn con người.

3. Ngôn ngữ thơ có nét khác biệt so với ngôn ngữ các thể loại văn học khác.

- Ngôn ngữ trong truyện, kí: chủ yếu là ngôn ngữ tự sự, kể chuyện,

- Ngôn ngữ trong kịch: chủ yếu là ngôn ngữ đối thoại

- Ngôn ngữ thơ ca: có tác dụng gợi cảm đặc biệt nhờ yếu tố nhịp điệu, *“Cái kì diệu ấy của tiếng nói trong thơ, có lẽ chẳng ta tìm nó trong nhịp điệu (...) một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn”*.

- Xuất phát từ sự đề cao nhịp điệu bên trong, nhịp điệu của tâm hồn, Nguyễn Đình Thi quan niệm:

+ *“không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không vần”* mà chỉ có *“thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ”*.

+ Thời đại mới, tư tưởng, tình cảm mới, nội dung mới đòi hỏi một hình thức mới, điều quan trọng là dùng thơ tự do, thơ không vần, hay *“dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn đạt được đúng tâm hồn con người mới ngày nay”*.

4. Nét tài hoa của Nguyễn Đình Thi:

Bộc lộ trong nghệ thuật lập luận, đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh,... để làm sáng tỏ từng vấn đề đặt ra.

- Mở đầu bài viết, dùng ngay lập luận phủ nhận để khẳng định (bác bỏ một số quan niệm có phần phiến diện về thơ- có người cho *“thơ là ở những lời đẹp”* lại có người cho *“thơ khác với các thể văn khác ở chỗ thơ in sâu vào trí nhớ”*, để nhấn mạnh đặc trưng cơ bản nhất của thơ là biểu hiện tâm hồn con người), từ đó triển khai các ý ngày càng cụ thể hơn, xoáy sâu vào vấn đề chính.

- Lí lẽ gắn với dẫn chứng. Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh rất cụ thể, sinh động, gây ấn tượng mạnh:

+ *“Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống. Toé lên ở những nơi giao nhau của tâm hồn với ngoại vật, trước hết là những cảm xúc”*,

+ *“Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung”*.

5. Giá trị của bài văn:

- Việc nêu lên những vấn đề đặc trưng bản chất của thơ ca không chỉ có tác dụng nhất thời lúc bấy giờ mà ngày nay nó vẫn còn có giá trị, bởi ý nghĩa thời sự, tính chất khoa học đúng đắn, gắn bó chặt chẽ với cuộc sống và thực tiễn sáng tạo thi ca.

II. ĐÔ - XTÔI – ÉP – XKI (Trích):

1. Tính cách và số phận của Đô – xtoi – ép – xki:

a. Hai thời điểm đối lập trong cuộc sống:

- **Thời điểm thứ nhất:** kiếp sống của một kẻ lưu vong (*tờ séc cuối cùng, hiệu cầm đồ, phòng làm việc, cơn động kinh, tiền nợ*) → thời điểm của sự tuyệt vọng lớn nhất.

- Thời điểm thứ hai:

+ Trở về Tổ quốc, “*một giây hạnh phúc tuyệt đỉnh*”,

+ những giờ phút “*xuất thần*”,

+ niềm hừng khởi trước đám đông cuồng nhiệt.

+ Sau đó là cái chết khi “*sứ mệnh đã hoàn thành*”, trong tình cảm anh em của tất cả các giai cấp và tất cả các đẳng cấp của nước Nga.

b. Những mâu thuẫn trong thiên tài Đô-xtôi-ép-xki:

- Những tình cảm mãnh liệt >< trong cơ thể yếu đuối của con bệnh thần kinh;

- Con người mang trái tim vĩ đại >< phải tìm đến những cơ hội thấp hèn, bị giày vò vì hoàn cảnh.

- Số phận vui đập thiên tài >< nhưng thiên tài tự cứu vãn bằng lao động và tự đốt cháy trong lao động.

- Vinh quang tột đỉnh của Đốt >< cũng vẫn gắn với đau khổ.

- Người bị lưu đày biệt xứ- *đau khổ một mình* ->< *sứ giả của xứ sở mình*.

2. Cấu trúc tương phản ở nhiều cấp độ:

- Trong nội bộ một câu, hoặc giữa hai vế, giữa hai từ ngữ. Ví dụ:

+ *Nước Nga tiếng gọi vĩnh cửu của niềm tuyệt vọng của ông..*,

+ *Lao động là sự giải thoát và là nỗi thống khổ của ông.*

- Trong từng đoạn. Ví dụ:

+ Hai hệ thống hình ảnh trái ngược ở đoạn từ “*Suốt đêm...tinh thần của chúng ta*”.

+ Ở đây có sự đối lập: sự dằn vặt của cuộc sống hằng ngày >< những tác phẩm đồ sộ, thế giới tinh thần.

- Sự đối lập giữa những chi tiết hèn mọn về đời thường >< với những hình ảnh cao cả khác thường của khát khao sáng tạo của thiên tài

3. Biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ:

- So sánh:

- + “*tác phẩm...là rượu ngọt*”,
- + “*đếm các ngày như trước đây đếm cái cốc của trại giam*”,
- + “*trở về như một kẻ hành khất*”,
- + “*lời như sắt sét*”.

- Ẩn dụ:

- + “*quả đã được cứu thoát, vỏ khô rụng xuống*”,
- + “*thành phố ngàn tháp chuông*”.

→ Những hình ảnh so sánh và ẩn dụ có hệ thống ở đây đều thuộc lĩnh vực tôn giáo, hoặc những lực lượng siêu nhiên.

→ Mục đích: từ chỗ mô tả như một con người khốn khổ, bị chà đạp, nâng lên thành một vị thánh, một con người siêu phàm

4. Biện pháp tô đậm chân dung văn học:

Gắn hình tượng con người trên khung cảnh rộng lớn.

- Cái nền **Đô-xtôi-ép-xki** xuất hiện: hình ảnh xã hội Nga đương thời.

- Thiên tài bị đè nén bởi số phận, nhưng cũng có thể tác động trở lại số phận, không chỉ số phận mình mà của cả dân tộc, thời đại: Hình ảnh nước Nga ở nửa đầu và cuối đoạn trích.